TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2018/DS-PT
Ngày: 30-10-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp vốn và vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

Các thẩm phán: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

Bà **Phạm Thị Hồng Vân**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kiều Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Trần Văn Sự - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2018/TLPT-DS ngày 02/10/2018 về tranh chấp "Hợp đồng góp vốn và vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 186/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1953;

Cư trú tại: Số 47/2, ấp T G, xã T T, huyện H T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1959; cư trú tại: Số 62/1 K p 1, thị trấn H T, huyện H T, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/7/2017).

Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1963;

Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1963;

Cùng cư trú tại: Số 11, ấp T T, xã T H, huyện H T, tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H trình bày:

Từ năm 2012, ông T có hùn vốn xẻ gỗ với vợ chồng ông H bà L số tiền là 650.000.000 đồng, trả dần trong thời hạn 36 tháng và cho ông H bà L vay 300.000.000 đồng. Khi hùn vốn hai bên có thỏa thuận hàng tháng ông H bà L

phải chia lãi cho ông T nhưng ông H bà L cho rằng xẻ gỗ bị lỗ chỉ chia cho ông T được 64.000.000 đồng thì ngưng không chia nữa. Đến ngày 19/4/2016, hai bên thống nhất số tiền ông H, bà L còn nợ lại ông T là 960.000.000 đồng và ông H, bà L có làm giấy nhận nợ. Cùng ngày ông H bà L vay thêm 100.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh có điều kiện trả nợ cho ông T nên ông T đồng ý cho ông H bà L vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, hợp đồng vay được lập tại văn phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn. Tổng cộng ông H bà L nợ ông T số tiền là 1.060.000.000 đồng. Ông T đồng ý khấu số tiền đã nhận của ông H bà L là 64.000.000 đồng, sau khi khấu trừ thì ông H bà L còn nợ lại ông T số tiền là 996.000.000 đồng. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông H, bà L phải trả cho ông số tiền nợ là 996.000.000 đồng và không yêu cầu ông H bà L trả lãi.

Tại bản tự khai ngày 24/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Từ năm 2012, vợ chồng bà có vay của ông T nhiều lần đến ngày 19/4/2016 hai bên thống nhất vợ chồng bà còn nợ lại ông T là 960.000.000 đồng và bà có viết giấ nhận nợ. Cùng ngày, vợ chồng bà có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng 1.060.000.000 đồng đã trả được 64.000.000 đồng còn nợ lại 996.000.000 đồng, xin trả dần hàng tháng đến khi hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại bản án sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Áp dụng vào Điều 388, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tổng cộng là 996.000.000 đồng (Chín trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/9/2018, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo không đồng ý trả số tiền 996.000.000 đồng, mà chỉ đồng ý trả số tiền 996.000.000 đồng khấu trừ số tiền 64.000.000 đồng đã trả còn lại 932.000.000 đồng cho ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H bà L cho rằng chỉ nợ ông T số tiền gốc 400.000.000 đồng số tiền 560.000.000 đồng là số tiền lãi, đối với số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng công chứng thì không phải là khoản tiền vay mà là khoản tiền ông bà cam kết trả dần mỗi tháng cho ông T đến khi hết số nợ 960.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý không yêu cầu bà L ông T thanh toán số tiền 10.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà L, ông H thanh toán cho ông T số tiền 986.000.000 đồng là tự nguyện. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà L ông H, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ , tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L thì thấy rằng:

[1] Ngày 10/9/2018, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo đồng ý trả số tiền 996.000.000 đồng khấu trừ số tiền 64.000.000 đồng đã trả còn nợ lại ông T 932.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng bà L cung cấp 04 biên nhận do bà L viết, ký tên và 01 cuốn sổ ông T ký nhận số tiền 64.000.000 đồng cho rằng trong tổng số nợ 960.000.000 đồng vợ chồng bà chỉ nợ ông T số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc, số tiền 560.000.000 đồng là tiền lãi thì thấy rằng các biên nhận do bà L xuất trình được lập năm 2012, khi các bên thống nhất số nợ còn lại 960.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 19/4/2016, hai bên có thỏa thuận nội dung "đã trừ hết số tiền trước đó" và bà L, ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền 560.000.000 đồng là tiền lãi như lời ông bà trình bày. Ngoài ra, bà L, ông H cho rằng số tiền 100.000.000 đồng ông bà ký vay tại Phòng công chứng Nguyễn Gia Thôn là số tiền ông bà phải trả dần cho ông T cho đến khi hết nợ, tuy nhiên tại hợp đồng trên có thể hiện nội dung "có nhận đủ số tiền trên" do đó lời trình bày trên của ông bà là không có cơ sở chấp nhận.

Mặc khác, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2018 (bút lục 24, 27) bà L thừa nhận từ năm 2012 vợ chồng bà L vay tiền của ông T nhiều lần đến ngày 19/4/2016, hai bên thống nhất số nợ vợ chồng bà L còn nợ ông T số tiền 960.000.000 đồng, cùng ngày có ký hợp đồng công chứng vay thêm của ông T số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 1.060.000.000 đồng, đã trả được 64.000.000 đồng còn nợ lại 996.000.000 đồng xin trả dần hàng tháng đến khi tất nợ, lời trình bày của bà L phù hợp với các chứng cứ giấy nhận nợ, hợp đồng vay tài sản ngày 19/04/2016 do nguyên đơn xuất trình nên Tòa án cấp sơ

thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn cho rằng số tiền bà L, ông H vay theo hợp đồng cưa xẻ, mua bán gỗ là 650.000.000 đồng và tiền vay 300.000.000 đồng theo giấy mượn tiền trả góp. Ngày 19/4/2016, bà L, ông H vay thêm số tiền 100.000.000 đồng có lập hợp đồng vay tại phòng công chứng Nguyễn Gia Thôn, tổng cộng 1.050.000.000 đồng. Bà L, ông H đã trả được 64.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 986.000.000 đồng và yêu cầu bà L, ông H trả số tiền trên. Xét thấy, việc nguyên đơn yêu cầu bà L, ông H thanh toán số tiền còn lại là 986.000.000 đồng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận là có căn cứ phù hợp pháp luật. Do đó sửa án sơ thẩm theo nhận định trên và không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L, ông H.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà L, ông H không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tổng cộng là 986.000.000 đồng (Chín trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H và bà L không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông H và bà L còn phải trả cho ông T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Ông H và bà L phải chịu 41.580.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 21.900.000 đồng (Hai mươi mốt triệu chín trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004493 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Án phí phúc thẩm: Ông H và bà L không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông H bà L 300.000 đồng tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012480 của Chi cục thi hành án huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TANDCC;
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Phòng KTNV;
- Lưu tập án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thúy Phượng